

Bản án số: 60/2024/HNGĐ-ST
Ngày 09/10/2024
“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Sinh

Bà Trần Thị Kim Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nhật Lệ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Lam Thị Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 10 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 78/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2023, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 52A/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 1977; địa chỉ: khu E, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: anh Danny P, sinh năm 1971; địa chỉ: Số G Lysander Conut Austin T, Hoa Kỳ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân T trình bày: năm 2015, chị T và anh D Phạm kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Q. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà mẹ đẻ của chị T thuộc khu E, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Ninh được khoảng 01 tháng. Sau đó anh D về Mỹ và có đi đi về về suốt nhiều năm. Từ năm 2020, chị T và anh D Phạm bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, anh D Phạm không về Việt Nam và không liên lạc với chị T nữa. Chị T nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giải quyết cho chị T được ly hôn anh Danny P để ổn định cuộc sống.

Về con chung: chị T và anh D Phạm có 01 con chung (con trai), sinh ngày 16/5/2020, theo Giấy chứng sinh số 2781 ngày 16/5/2020 của Bệnh viện S, dự định đặt tên là Nguyễn Hoàng H. Do anh D Phạm vẫn ở Mỹ, không về Việt Nam nên chị T chưa làm được thủ tục khai sinh cho con. Khi được Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T là người tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị T không yêu cầu anh D Phạm không phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn anh Danny P*: là người mang quốc tịch Hoa Kỳ, theo yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân T, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã tiến hành tổng đạt theo đường dịch vụ bưu chính đến nơi cư trú của anh D Phạm về việc thụ lý vụ án; thông báo thời gian mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo thời gian mở phiên tòa; yêu cầu anh Danny P có mặt theo thời gian, địa điểm mà Tòa án đã thông báo để giải quyết vụ án, anh Danny P phải nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân T. Tuy nhiên, bưu điện đã chuyển hoàn lại do địa chỉ không chính xác.

Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã yêu cầu chị T cung cấp địa chỉ chính xác của anh Danny P nhưng chị T không cung cấp được, chị T không có địa chỉ nào khác của anh Danny P.

Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh thực hiện niêm yết công khai và thông báo trên cổng thông tin điện tử của Đ tại Hoa Kỳ và cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh từ ngày 03/5/2024.

* Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 09/9/2024, bị đơn anh Danny P không có mặt, không có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã ra quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất và ấn định thời gian, địa điểm mở phiên tòa lần thứ hai vào hồi 08 giờ ngày 09/10/2024, tại Hội trường xét xử số 4- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai, Tòa án vẫn không nhận được lời khai, tài liệu, chứng cứ từ anh Danny P và anh Danny P cũng không có mặt, không có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:**

- Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân T đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân T như nêu trên. Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh nhận thấy có căn cứ chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Xuân T.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện do nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân T giao nộp và tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình tố tụng, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; bị đơn anh Danny P, sinh năm 1971; mang quốc tịch Hoa Kỳ, hiện đang sinh sống tại Hoa Kỳ. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm a khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Danny P đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo thời gian mở phiên tòa giải quyết vụ án thông qua dịch vụ bưu chính; niêm yết công khai và thông báo trên cổng thông tin điện tử của Đ tại Hoa Kỳ và cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Tại phiên tòa ngày 09/9/2024 và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Danny P đều vắng mặt, không có đơn xin vắng mặt; nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử vắng mặt các đương sự và công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Xuân T và anh D Phạm kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Q ngày 22/9/2015, trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, chị T và anh D Phạm chung sống tại nhà mẹ đẻ của chị T thuộc khu E, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Ninh khoảng 01 tháng thì anh D về Mỹ nhưng vẫn đi đi về về. Đến năm 2020, chị T và anh D Phạm phát sinh mâu thuẫn, anh D Phạm không về Việt Nam và cũng không liên lạc với chị T nữa. Chị T không còn tình cảm với anh Danny P, yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Danny P để ổn định cuộc sống.

Đối với bị đơn anh Danny P, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã tiến hành tổng đạt theo đường dịch vụ bưu chính đến nơi anh D Phạm cư trú thông báo việc thụ lý vụ án; thông báo thời gian mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo thời gian mở phiên tòa; yêu cầu anh Danny P có mặt theo thời gian, địa điểm mà Tòa án đã thông báo để giải quyết vụ án và yêu cầu anh Danny P phải nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân T. Tuy nhiên, bưu điện đã chuyển hoàn lại do địa chỉ không chính xác. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã thực hiện niêm yết công khai và thông báo trên cổng thông tin điện tử của Đ tại Hoa Kỳ và cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh theo khoản 3 Điều 474 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, đến nay Tòa án vẫn chưa nhận được lời khai; tài liệu, chứng cứ của anh Danny P. Tại phiên tòa ngày 09/9/2024 và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Danny P đều vắng mặt, không có đơn xin vắng mặt.

Căn cứ quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy: chị Nguyễn Thị Xuân T và anh Danny P không còn tồn tại đời sống chung, vợ chồng không thực hiện nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, quan tâm giúp đỡ nhau cả về vật chất và tinh thần, không còn cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Xuân T đối với anh Danny P.

[2.2] Về con chung: chị Nguyễn Thị Xuân T và anh D Phạm có một con chung (con trai), sinh ngày 16/5/2020 theo Giấy chứng sinh số 2781 ngày 16/5/2020 của Bệnh viện S, dự định đặt tên là Nguyễn Hoàng H. Theo chị T trình bày do anh D Phạm ở nước ngoài chưa về nước nên chị T chưa làm được thủ tục khai sinh cho con. Theo quy định tại Điều 88 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014, con do chị T sinh ra trong thời kỳ hôn nhân là con chung của chị T và anh Danny P. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung dự định đặt tên là Nguyễn Hoàng H và không yêu cầu anh D Phạm phải cấp dưỡng cho con. Căn cứ quy định tại Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử đã chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh D Phạm nên chấp nhận yêu cầu, quan điểm của chị T về việc được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung (con trai) sinh ngày 16/5/2020, theo Giấy chứng sinh số 2781 ngày 16/5/2020 của Bệnh viện S, dự định đặt tên là Nguyễn Hoàng H. Anh Danny P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: chị Nguyễn Thị Xuân T không yêu cầu anh D Phạm cấp dưỡng cho con, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: chị Nguyễn Thị Xuân T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí, về lệ phí ủy thác tư pháp về dân sự: căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Xuân T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Do Tòa án đã tiến hành tổng đạt theo đường dịch vụ bưu chính đến nơi cư trú của anh Danny P để thu thập, cung cấp chứng cứ, tổng đạt giấy tờ,...không tiến hành thu thập, cung cấp chứng cứ, tổng đạt giấy tờ,...qua Bộ Tư pháp nên trả lại chị Nguyễn Thị Xuân T 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền lệ phí ủy thác tư pháp về dân sự.

[4] Về chi phí tố tụng: Tòa án đã chi phí cho việc ủy thác tư pháp ra nước ngoài hết tổng số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*). Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 153 và Điều 154 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chị Nguyễn Thị Xuân T phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài (đã nộp đủ).

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh về nội dung giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38; khoản 4 Điều 147; Điều 149; khoản 3 Điều 153; Điều 154; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 3 Điều 474 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83; Điều 88 và khoản 2 Điều 123 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Xuân T.

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Xuân T được ly hôn với anh Danny P.

[2] Về con chung: giao cho chị Nguyễn Thị Xuân T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung (con trai), dự định đặt tên là Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 16/5/2020 theo Giấy chứng sinh số 2781 ngày 16/5/2020 của Bệnh viện S cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh D Phạm không phải cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, anh Danny P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nếu anh D Phạm lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Nguyễn Thị Xuân T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Hoặc nhận thấy chị Nguyễn Thị Xuân T không đủ điều kiện bảo đảm quyền lợi ích của con thì anh Danny P có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không có, chị Nguyễn Thị Xuân T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí, về lệ phí ủy thác tư pháp về dân sự: chị Nguyễn Thị Xuân T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005715 ngày 08/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Trả lại chị Nguyễn Thị Xuân T 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền lệ phí ủy thác tư pháp về dân sự đã nộp tại Biên lai số 0097039 ngày 08/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

[5] Về chi phí tố tụng: chị Nguyễn Thị Xuân T phải chịu 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài (đã nộp đủ).

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho: chị Nguyễn Thị Xuân T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Anh Danny P có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HSVA; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thúy Hằng